

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024/MFS

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật MobiFone (MobiFone Service);

Căn cứ Biên bản họp số 01/BBH-ĐHĐCĐ/2024/MFS ngày 27/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Tổng doanh thu: 406.185 triệu đồng.
- Doanh thu hợp nhất với MobiFone: 49.978 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 20.301 triệu đồng.
- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: 3,34.

Điều 2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

Điều 3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch triển khai năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty đã kiểm toán năm 2023:

Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C gồm một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ LIỆU 2023
1	Tài sản tổng số Trong đó: - Tài sản ngắn hạn - Tài sản dài hạn	256.567.533.182 đồng 249.659.596.860 đồng 6.907.936.322 đồng
2	Tổng nguồn vốn Trong đó:	256.567.533.182 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ LIỆU 2023
	- Nợ phải trả	74.844.114.486 đồng
	- Vốn chủ sở hữu	181.723.418.696 đồng
3	Doanh thu bán hàng	396.918.608.969 đồng
4	Giá vốn bán hàng	365.173.206.775 đồng
5	Chi phí bán hàng	183.829.249 đồng
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.352.493.941 đồng
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	25.367.469.916 đồng
8	Lợi nhuận trước thuế	25.437.213.998 đồng
9	Lợi nhuận sau thuế	20.300.998.781 đồng
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.243

Điều 5. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về công tác quản lý năm 2023.

Điều 6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	395.441
2	Doanh thu hợp nhất với MobiFone	51.390
3	Lợi nhuận sau thuế	15.029

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2024:

1. Phương án chi trả cổ tức năm 2023:

Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt, tỷ lệ chi trả 25% vốn góp của chủ sở hữu. Nguồn chi trả từ lợi nhuận chưa phân phối và lợi nhuận sau thuế năm 2023.

2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (đồng)
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.492.580.611
2	Trích thù lao cho HĐQT và BKS	402.428.000

Căn cứ Điều 8, Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023/MFS ngày 27/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về tổng mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023.

Căn cứ tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023: **92,3%**.

Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao kế hoạch năm 2023 (đồng/tháng)	Mức thù lao bình quân năm 2023 (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	6.461.000
2	Thành viên HĐQT	5.000.000	4.615.000
3	Trưởng BKS	5.000.000	4.615.000
4	Thành viên BKS	3.000.000	2.769.000

Tổng mức thù lao của các thành viên HĐQT và BKS năm 2023 là: **402.428.000** đồng.

Điều 8. Thông qua thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2024:

STT	Chức danh	Mức thù lao kế hoạch (đồng/tháng)	Mức thù lao theo kết quả hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024
1	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	Mức thù lao thực hiện tối đa = Mức thù lao kế hoạch x Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024
2	Thành viên HĐQT	5.000.000	
3	Trưởng BKS	5.000.000	
4	Thành viên BKS	3.000.000	

Điều 9. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024:

Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2024 là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Viễn thông MobiFone và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trương Duy Phúc